TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/DS-ST
Ngày 26 - 3- 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán2

, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Hữu H, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Q, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền: Đặng Hữu T, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Q, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Mai Hữu H trình bày:

Ông H và ông T1 có thoả thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thuỷ sản, hai bên thoả thuận sau khi thu hoạch vụ tôm sẽ thanh toán đầy đủ nhưng ông T1 không thực hiện đúng theo thoả thuận, tính đến ngày 01/10/2014 số tiền ông T1 và bà Y còn thiếu ông H số tiền 41.548.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 01/10/2014 đến ngày 01/10/2025 là 11 năm x 41.548.000 đồng x 10%/năm = 45.702.800 đồng.

Nay ông H yêu cầu ông T1 và bà Y cùng có trách nhiệm trả cho ông tổng số tiền vốn và lãi là 87.250.800 đồng.

Đối với ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Y: Quá trình Toà án triệu tập ông, bà vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Hữu T có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và ông Lê Văn T1, bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H thấy rằng: Việc ông T1 và bà Y thiếu tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản thực tế là có xảy ra, được thể hiện tại hợp đồng thoả thuận ngày 01/10/2014, ông T1 và bà Y có ký xác nhận công nợ với ông H. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với lãi suất, ông H yêu cầu với số tiền 45.702.800 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, việc ông H yêu cầu ông T1 và bà Y trả cho ông tổng số tiền vốn và lãi 87.250.800 đồng là có căn cứ

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 và bà Y phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hữu H. Buộc ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ trả cho ông Mai Hữu H số tiền 87.250.800 đồng (tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Mai Hữu H cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Y phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Hữu H được miễn (thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí).

Ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị Y phải chịu 4.362.500 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến